Chi tiết mã HS 3923.30.20

Mã HS	3923.30.20
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm dùng trong vận chuyển hoặc đóng gói hàng hóa, bằng plastic; nút, nắp, mũ van và các loại nút đậy khác, bằng plastic / - Bình, chai, lọ, bình thót cổ và các sản phẩm tương tự: / - - Bình chứa nhiều lớp được gia cố bằng sợi thủy tinh, dùng cho khí nén hoặc khí hóa lỏng(SEN)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:28:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39233020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6189
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6189
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6189
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, MY, MM, PH)	0% (trừ ID, MY, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MM, PH)	0% (trừ ID, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6002
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5963
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5963
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5963
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5963
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5963
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5963
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E6007
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6007
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6007

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6007
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6007
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6007
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6005
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6005
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6005
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6005
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6005
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6005
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6013
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5969
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5965
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5965
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5965
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5965
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5965
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5965
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5989
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5989
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5989
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5989
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5989
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5989
VCFTA	2022	2022	4	VC!D6031
VCFTA	2023	2023	2	VC!E6031
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6031

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6031
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6031
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6031
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6016
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6016
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6016
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6016
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6016
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6016
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6019
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6019
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6019
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6019
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6019
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6019
EVFTA	2022	2022	1,2	EV-NK!D6004
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6004
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6004
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6004
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6004
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6004
UKVFTA	2022	2022	1,2	UKV!D6006
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6006
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6006
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6006
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6006

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6006
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5988
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5988
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5988
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5988
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5988
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5988
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5988
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6009
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6009
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6009
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6009
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6009
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6009
RCEP B	2022	2022	0	B!D6009
RCEP B	2023	2023	0	B!E6009
RCEP B	2024	2024	0	B!F6009
RCEP B	2025	2025	0	B!G6009
RCEP B	2026	2026	0	B!H6009
RCEP B	2027	2027	0	B!I6009
RCEP C	2022	2022	0	C!D6009
RCEP C	2023	2023	0	C!E6009
RCEP C	2024	2024	0	C!F6009
RCEP C	2025	2025	0	C!G6009
RCEP C	2026	2026	0	C!H6009
RCEP C	2027	2027	0	C!I6009

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D6009
RCEP D	2023	2023	0	D!E6009
RCEP D	2024	2024	0	D!F6009
RCEP D	2025	2025	0	D!G6009
RCEP D	2026	2026	0	D!H6009
RCEP D	2027	2027	0	D!I6009
RCEP E	2022	2022	0	E!D6012
RCEP E	2023	2023	0	E!E6012
RCEP E	2024	2024	0	E!F6012
RCEP E	2025	2025	0	E!G6012
RCEP E	2026	2026	0	E!H6012
RCEP E	2027	2027	0	E!I6012
RCEP F	2022	2022	0	F!D6009
RCEP F	2023	2023	0	F!E6009
RCEP F	2024	2024	0	F!F6009
RCEP F	2025	2025	0	F!G6009
RCEP F	2026	2026	0	F!H6009
RCEP F	2027	2027	0	F!I6009
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5555
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5555
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5555
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5555

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3923.30 có 2 dòng thuế; dòng 3923.30.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bình chứa nhiều lớp được gia cố bằng sợi thủy tinh, dùng cho khí nén hoặc khí hóa lỏng(SEN).	3923.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3923.30.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3923.30.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6189), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.